| | |
|---|---|
| UBND TỈNH NINH THUẬN<br>**BQL VƯỜN QUỐC GIA PHƯỚC BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 89/BC- BQLVQGPB | *Ninh Thuận, ngày 09 tháng 12 năm 2021* |

# BÁO CÁO
## Công tác phòng, chống tham nhũng năm 2021

Thực hiện Thông tư số 02/2021/TT-TTCP ngày 22/3/2021 của Thanh tra Chính phủ; Văn bản số 1911/UBND -TCDNC ngày 20/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng và Văn bản số 863/TTT-VP ngày 18/11/2021 của Thanh tra tỉnh về việc phối hợp chỉ đạo thực hiện báo cáo tổng kết công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng năm 2021.

Ban Quản lý (BQL) Vườn quốc gia Phước Bình báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng năm 2021 như sau:

## I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

### 1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng

BQL Vườn quốc gia Phước Bình thành lập theo Quyết định số 171/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc và chịu sự quản lý toàn diện của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời, chịu sự hướng dẫn chuyên, nghiệp vụ của các Sở chuyên ngành.

BQL Vườn quốc gia Phước Bình có chức năng bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn, phát huy các giá trị đặc biệt về thiên nhiên, mẫu chuẩn hệ sinh thái, đa dạng sinh học, nguồn gen sinh vật và văn hóa, lịch sử, cảnh quản; nghiên cứu khoa học; cung ứng các dịch vụ môi trường, giáo dục môi trường, nghiên cứu khoa học; đầu tư, liên doanh, liên kết phát triển dịch vụ du lịch theo quy hoạch và quy định của pháp luật.

Về công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật phòng, chống tham nhũng luôn được các Cấp ủy, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quan tâm chỉ đạo nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của Đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng những nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; Nghị định số 59/2013/NĐ-CP ngày 17/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật PCTN; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản,

thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức. Việc phổ biến, quán triệt các văn bản pháp luật về PCTN được lồng ghép trong các cuộc họp của cơ quan, đơn vị, sinh hoạt Chi bộ, Đoàn thể để quán triệt đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; đồng thời gắn với việc học tập Chỉ thị 50-CT/TW làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Nghị quyết trung ương 4 (Khóa XII) về ngăn chặn đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ.

Về công tác chỉ đạo, lãnh đạo thực hiện các quy định của pháp luật PCTN, BQL Vườn quốc gia Phước Bình đã ban hành Kế hoạch số 01/KH-BQLVQGPB ngày 04/01/2021 về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2021; phổ biến kế hoạch trong toàn Đơn vị và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ công tác phòng, chống tham nhũng theo quy định.

**2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng**

a) *Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động.*

Căn cứ các quyết định phân bổ, giao dự toán ngân sách của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong năm Giám đốc Vườn đã ban hành 05 quyết định công bố công khai dự toán ngân sách năm 2021 của BQL Vườn quốc gia Phước Bình, gồm các Quyết định số 115/QĐ-BQLVQGPB ngày 31/12/2020 về việc giao dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2021; Quyết định số 06/QĐ-BQLVQGPB ngày 07/01/2021 về việc Công khai dự toán chi ngân sách Nhà Nước năm 2021; Quyết định số 04/QĐ-BQLVQGPB ngày 06/01/2021 về việc ban hành quy chế về định mức chi tiêu và phân bổ thu nhập năm 2021; Quyết định số 87/QĐ-BQLVQGPB ngày 22/9/2021 về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2021; Quyết định số 74/QĐ-BQLVQGPB ngày 9/8/2021 về việc ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công.

b) *Kết quả xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ.*

BQL Vườn quốc gia Phước Bình và các đơn vị trực thuộc đã tổ chức thành công Hội nghị công chức, viên chức đầu năm; qua đó đã xây dựng, ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, có rà soát sửa đổi, bổ sung về chế độ định mức, tiêu chuẩn cho phù hợp với thực tế của từng đơn vị, theo đúng quy định về sử dụng kinh phí nguồn ngân sách nhà nước theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và Quyết định số 143/2017/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh.

Hàng năm, căn cứ quyết định phân bổ, giao dự toán thu chi ngân sách của Ủy ban nhân dân tỉnh, Vườn quốc gia đã lập kế hoạch phân bổ dự toán thu chi cho các đơn vị trực thuộc, trên cơ sở thống nhất phương án phân bổ của Sở Tài chính, Giám đốc Vườn quốc gia ban hành quyết định phân bổ dự toán thu chi cho các đơn vị.

*c) Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử.*

Cùng với việc đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới công nghệ, đơn vị đã triển khai xây dựng quy tắc về ứng xử, đạo đức nghề nghiệp cho CBCCVC

nhằm nâng cao trách nhiệm thi hành công vụ, tạo môi trường lành mạnh trong quá trình làm việc, đồng thời quán triệt cho cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nghiêm túc việc ứng xử trong giao tiếp, thực hiện nếp sống văn hoá, văn minh công sở, đạo đức thi hành công vụ. Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 129/QĐ-TTg ngày 02/8/2007 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành quy chế văn hoá công sở tại cơ quan hành chính nhà nước; Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ngày 26/02/2007 của Bộ Nội vụ về việc ban hành quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương, Quyết định số 53/2021/QĐ-UBND ngày 17/8/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định trách nhiệm thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận và tiếp tục triển khai công văn số 3839/UBND-NV ngày 13/9/2007 của UBND tỉnh Ninh Thuận về quy chế văn hóa ứng xử tại các cơ quan hành chính nhà nước. Kết quả đến nay 100% CBCCVC đã thực hiện nghiêm túc giờ giấc làm việc, giao tiếp làm việc, thực hiện nếp sống văn hóa, văn minh công sở. Qua quá trình thực hiện, không có cán bộ, công chức, viên chức vi phạm các quy định ứng xử, đạo đức nghề nghiệp; thực hiện đúng các quy định về việc tặng quà, nhận quà, từ chối nhận quà tặng và nộp lại quà tặng.

*d) Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác.*

Hàng năm đơn vị  triển khai, thực hiện Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ về quy định danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi đối với công chức, viên chức và Thông tư số 32/2015/TT-BNNPTNT ngày 06/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức trong ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Việc chuyển đổi vị trí công tác khách quan, dân chủ đã triển khai, phổ biến, quán triệt đến toàn thể công chức, viên chức thuộc đơn vị (lý do: qua rà soát danh sách dự kiến chuyển đổi năm 2021 chưa có trường hợp nào đúng thời điểm để chuyển đổi).

*đ) Kết quả thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt.*

Hàng năm Vườn quốc gia đều ban hành kế hoạch cải cách hành chính triển khai đến các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, các đơn vị trực thuộc để thực hiện. thủ tục hành chính được niêm yết công khai tại trụ sở của đơn vị tạo thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân đến liên hệ làm việc. Đến nay Vườn quốc gia đã áp dụng Chương trình quản lý văn bản và hồ sơ công việc, trao đổi thông tin qua hệ thống mạng nội bộ.

Nhìn chung cải cách hành chính cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Vườn quốc gia, các nội dung về cải cách hành chính được tiếp tục triển khai thực hiện theo quy định của Trung ương và của tỉnh. Cơ chế một cửa được áp dụng và đạt hiệu quả; tổ chức bộ máy được sắp xếp, kiện toàn; kỷ cương hành chính được tăng cường; thực hiện tốt chính sách quản lý tài chính công theo cơ chế khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính tạo quyền tự chủ, tự chịu

trách nhiệm về tổ chức, biên chế, tài chính góp phần thay đổi phương thức quản lý, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

*e) Kết quả thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn.*

Thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Kế hoạch số 989/KH-UBND ngày 02/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập lần đầu của năm 2020 và Công văn số 130/TTT-PCTN ngày 03/3/2021 của Thanh tra tỉnh về việc hướng dẫn lập danh sách, giao nhận Bản kê khai tài sản thu nhập lần đầu của năm 2020. Đơn vị đã tiến hành thực hiện minh bạch tài sản, thu nhập và công bố công khai việc kê khai tài sản, thu nhập của công chức, viên chức thuộc đối tượng kê khai là 27 người trong năm 2021. Hồ sơ kê khai tài sản, thu nhập được lưu trữ theo quy định.

**3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị**

a) Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động giám sát, kiểm tra và tự kiểm tra nội bộ: Không có.

b) Kết quả công tác thanh tra, kiểm toán và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra, kiểm toán.

- Kết quả phát hiện vi phạm, tham nhũng qua hoạt động thanh tra, kiểm toán: Không có.

- Kiến nghị xử lý vi phạm phát hiện qua hoạt động thanh tra, kiểm toán: Không có.

- Kết quả thực hiện các kiến nghị: Không

c) Kết quả xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng; việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua xem xét phản ánh báo cáo về hành vi tham nhũng và qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo: Không có.

d) Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác: Không

đ) Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi ngành: Không có.

e) Kết quả xử lý tài sản tham nhũng.

- Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện: Không có

- Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng: Không có

+ Kết quả thu hồi bằng biện pháp hành chính: Không

+ Kết quả thu hồi bằng biện pháp tư pháp: Không

f) Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu.

- Kết quả áp dụng biện pháp tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển sang

vị trí khác: Không có.

- Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng: Không có

## II. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

### 1. Đánh giá mức độ hoàn thành công tác phòng, chống tham nhũng:

Công tác phòng, chống tham nhũng năm 2021 của Vườn quốc gia luôn được Cấp ủy, Lãnh đạo Vườn quốc gia và các đơn vị trực thuộc quan tâm chỉ đạo, từ đó có bước chuyển biến tích cực, đơn vị không xảy ra tham nhũng, Cấp ủy, thủ trưởng đơn vị đã chủ động hơn trong kiểm tra, phát hiện xử lý kịp thời các biểu hiện tiêu cực. Công tác tuyên truyền, quán triệt các văn bản về phòng, chống tham nhũng luôn được lãnh đạo Vườn quốc gia quan tâm. Hàng năm Vườn quốc gia đều xây dựng kế hoạch phòng, chống tham nhũng, triển khai đến các đơn vị trực thuộc để thực hiện. Các biện pháp phòng ngừa được các đơn vị triển khai thực hiện thường xuyên, đồng thời xây dựng các tiêu chí thi đua, phát huy vai trò của Ban thanh tra nhân dân, tăng cường công tác kiểm tra, công khai, minh bạch trong hoạt động của các đơn vị, thực hiện chuyển đổi vị trí công tác, thực hiện tốt quy tắc ứng xử, kê khai tài sản, thu nhập, gắn với tiết kiệm chống lãng phí,...đã nâng cao nhận thức CBCCVC trong Vườn quốc gia, ngăn ngừa vi phạm tham nhũng trong cơ quan, đơn vị. Cải cách thủ tục hành chính trên các lĩnh vực được chú trọng, thường xuyên rà soát bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền; công khai các thủ tục hành chính trên trang thông tin điện tử của Vườn quốc gia. Từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức cá nhân, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, giảm phiền hà đối với các tổ chức và nhân dân đến giao dịch thực hiện các thủ tục hành chính. Công tác kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo được tăng cường, góp phần thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng.

### 2. Hạn chế:

- Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng tuy được quan tâm và đạt được một số hiệu quả nhất định, nhưng vẫn còn hạn chế như: hình thức tuyên truyền chưa thật sự phong phú, hấp dẫn, thực hiện chưa thường xuyên. Công tác kiểm tra, giám sát phòng, chống tham nhũng chưa sâu, chưa tự phát hiện trường hợp nào tham nhũng.

- Đơn vị còn lúng túng trong việc thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với các vị trí công chức, viên chức có tính đặc thù. Việc thực hiện chuyển đổi vị trí công tác chủ yếu theo đề án chuyển đổi vị trí của đơn vị Hạt Kiểm lâm Vườn quốc gia.

### 3. Nguyên nhân:

- Các công chức, viên chức được giao nhiệm vụ tham mưu về công tác phòng, chống tham nhũng làm nhiệm vụ kiêm nhiệm chưa được đào tạo, bồi dưỡng về công tác này nên trong quá trình thực hiện còn lúng túng.

- Quy định của pháp luật về việc chuyển đổi vị trí công tác đối với công

chức, viên chức có tính đặc thù như kế toán, chưa có hướng dẫn cụ thể nên còn khó khăn khi áp dụng vào thực tiễn.

- Công tác phòng, chống tham nhũng luôn là lĩnh vực khó khăn, phức tạp, hành vi tham nhũng ngày càng tinh vi, khó phát hiện.

## III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ

### 1. Phương hướng:

- Tiếp tục công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong Vườn quốc gia về công tác phòng, chống tham nhũng.

- Công khai, minh bạch các hoạt động của cơ quan, đơn vị; công khai, minh bạch tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai; công khai công tác quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm cán bộ,...

- Tiếp tục chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức theo Đề án phê duyệt vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức trong Vườn quốc gia.

- Tăng cường công tác kiểm tra nhằm phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý kịp thời vi phạm, hạn chế các vụ việc tiêu cực xảy ra trong Vườn quốc gia.

### 2. Nhiệm vụ, giải pháp:

- Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, thống nhất từ nhận thức đến hành động trong CBCCVC và người lao động trong Vườn quốc gia.

- Chủ động nghiên cứu để góp ý xây dựng, hoàn thiện các quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về phòng, chống tham nhũng. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính; thực hiện công khai, minh bạch tạo thuận lợi trong giao dịch giữa các cơ quan nhà nước với doanh nghiệp, người dân.

- Chỉ đạo, đôn đốc thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng, chống tham nhũng như: Chú trọng thực hiện công khai, minh bạch và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong hoạt động mua sắm tài sản công, xây dựng cơ bản, tài chính ngân sách, kiểm tra kiểm soát lâm sản, công tác tổ chức, cán bộ...và tình trạng tham nhũng vặt tại cơ quan, đơn vị. Tiến hành kiểm tra đối với đơn vị có dấu hiệu tham nhũng, tiêu cực cũng như xem xét, xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác phòng, chống tham nhũng.

- Thực hiện tốt công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý tin báo và thực hiện tốt chế độ thông tin, báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng. Kịp thời tôn vinh, biểu dương, khen thưởng những gương điển hình về phòng, chống tham nhũng; tích cực bảo vệ những người đã dũng cảm tố cáo hành vi tham nhũng và xử lý nghiêm mọi biểu hiện trù dập, trả thù người tố cáo tham nhũng.

**3. Kiến nghị:**

Thanh tra Chính phủ, Thanh tra tỉnh hướng dẫn, tổ chức các hội nghị tập huấn, bồi dưỡng cập nhật chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng như kê khai tài sản thu nhập, kiểm soát xung đột lợi ích,... cho cán bộ làm công tác phòng, chống tham nhũng.

Trên đây là báo báo công tác phòng chống tham nhũng năm 2021, BQL Vườn quốc gia Phước Bình báo cáo Thanh tra tỉnh xem xét, tổng hợp./.

***Nơi nhận:***
- Thanh tra tỉnh;
- Ban Giám đốc Vườn;
- Các phòng ban và đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KHTC.

**GIÁM ĐỐC**

BAN QUẢN LÝ VƯỜN QUỐC GIA PHƯỚC BÌNH TỈNH NINH THUẬN

**Nguyễn Công Vân**

Biểu số: 01/PCTN

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ**
**VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**
*(Kèm theo Báo cáo số 89 /BC-BQLVQGPB ngày 09 /12/ 2021)*

| MS | NỘI DUNG | ĐVT | SỐ LIỆU |
|---|---|---|---|
| | **CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT** | | |
| 1 | Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN | Văn bản | 01 |
| 2 | Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành | Văn bản | 0 |
| 3 | Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành | Văn bản | 0 |
| | **TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN** | | |
| 4 | Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức | Lớp | 0 |
| 5 | Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN | Lượt người | 25 |
| 6 | Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản | Tài liệu | 0 |
| | **PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ** | | |
| | Kết quả công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động | | |
| 7 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động | CQ, TC,ĐV | 0 |
| 8 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động | CQ, TC, ĐV | 0 |
| | Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ | | |
| 9 | Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được ban hành mới | Văn bản | 0 |
| 10 | Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ | Văn bản | 05 |
| 11 | Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ | Cuộc | 0 |
| 12 | Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ | Vụ | 0 |
| 13 | Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ | Người | 0 |
| 14 | Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính | Người | 0 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 15 | Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự | Người | 0 |
| 16 | Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng | 0 |
| 17 | Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường | Triệu đồng | 0 |
| | Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn | | |
| 18 | Số cơ quan, tổ chức đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn | CQ, TC, ĐV | 0 |
| 19 | Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý | Người | 0 |
| 20 | Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị | Người | 0 |
| 21 | Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng | 0 |
| 22 | Số người bị xử lý do có vi phạm vì xung đột lợi ích | Người | 0 |
| 23 | Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ | Người | 0 |
| | Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn | | |
| 24 | Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng | Người | 0 |
| | Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt | | |
| 25 | Số thủ tục hành chính công được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị | Thủ tục | 0 |
| 26 | Số thủ tục hành chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị | Thủ tục | 0 |
| 27 | Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên | Lượt thủ tục | 0 |
| 28 | Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiệc thanh toán không dùng tiền mặt | Cuộc | 0 |
| 29 | Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt | Vụ | 0 |
| 30 | Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng | Triệu đồng | 0 |
| 31 | Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán | % | 0 |
| | Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn | | |
| 32 | Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ | Người | 27 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 33 | Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập | Người | 0 |
| 34 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập | CQ, TC, ĐV | 03 |
| 35 | Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập | Người | 0 |
| 35.1 | Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực | Người | 0 |
| 35.2 | Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập | Người | 0 |
| | **PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ** | | |
| 36 | Tổng số các vụ việc tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo | Vụ | 0 |
| 37 | Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo | Người | 0 |
| | Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị | | |
| 38 | Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước | Vụ | 0 |
| 39 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước | Người | 0 |
| 40 | Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra | Vụ | 0 |
| 41 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra | Người | 0 |
| 42 | Số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng | Vụ | 0 |
| | Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra | Vụ | 0 |
| 43 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng | Người | 0 |
| | Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra | Người | 0 |
| | Qua hoạt động giám sát, thanh tra kiểm toán | | |
| 44 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử | Vụ | 0 |
| 45 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử | Người | 0 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 46 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra | Vụ | 0 |
| 47 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra | Người | 0 |
| 48 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán | Vụ | 0 |
| 49 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán | Người | 0 |
| | Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng | | |
| 50 | Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng | Vụ việc | 0 |
| 51 | Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng đã được xem xét | Vụ việc | 0 |
| 52 | Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng | Vụ | 0 |
| 53 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng | Người | 0 |
| | Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo | | |
| 54 | Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo | Vụ | 0 |
| 55 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo | Người | 0 |
| | Qua các hoạt động khác ngoài các hoạt động nêu trên (nếu có) | | |
| 56 | Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua các hoạt động khác | Vụ | 0 |
| 57 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua các hoạt động khác | Người | 0 |
| | Qua điều tra tội phạm | | |
| 58 | Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố | Vụ | 0 |
| 59 | Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố | Người | 0 |
| | Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng | | |
| 60 | Số người tố cáo hành vi tham nhũng được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo | Người | 0 |
| 61 | Số người tố cáo hành vi tham nhũng bị trả thù | Người | 0 |
| 62 | Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo | Người | 0 |
| 63 | Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen thưởng | Người | 0 |
| | **XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỂ XẢY RA THAM NHŨNG** | | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 64 | Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng | Người | 0 |
| 65 | Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng | Người | 0 |
| 66 | Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng | Người | 0 |
| 66.1 | - Khiển trách | Người | 0 |
| 66.2 | - Cảnh cáo | Người | 0 |
| 66.3 | - Cách chức | Người | 0 |
| | **XỬ LÝ THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ** | | |
| 67 | Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án, bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) | Vụ | 0 |
| 68 | Số đối tượng bị kết án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án, bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp), trong đó: | Người | 0 |
| 68.1 | - Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng | Người | 0 |
| 68.2 | - Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng | Người | 0 |
| 68.3 | - Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng | Người | 0 |
| 68.4 | - Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng | Người | 0 |
| 69 | Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính | Vụ | 0 |
| 70 | Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng | Người | 0 |
| 71 | Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý chưa có kết quả xử lý) | Vụ | 0 |
| 72 | Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý chưa có kết quả xử lý) | Người | 0 |
| | Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được phát hiện | | |
| 73 | Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng | 0 |
| 74 | Đất đai | $m^2$ | 0 |
| | Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường | | |
| 75 | Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng | 0 |
| 75.1 | - Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính | Triệu đồng | 0 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 75.2 | - Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp | Triệu đồng | 0 |
| 76 | Đất đai | $m^2$ | 0 |
| 76.1 | - Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính | $m^2$ | 0 |
| 76.2 | - Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp | $m^2$ | 0 |
| | Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được | | |
| 77 | Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng | 0 |
| 78 | Đất đai | $m^2$ | 0 |
| | **PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG TRONG DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC** | | |
| 79 | Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại khoản 1 Điều 80) thuộc phạm vi quản lý | Tổ chức | |
| 80 | Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại khoản 1 Điều 80) được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTN | Tổ chức | |
| 81 | Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại khoản 1 Điều 80) bị xử lý do có vi phạm pháp luật về PCTN | Tổ chức | |
| 82 | Số vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện | Vụ | |
| 83 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện | Người | |
| 84 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý đã bị xử lý hình sự | Người | |
| 85 | Thiệt hại gây ra bởi các vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng | |
| 86 | Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng | |

Biểu số: 02/PCTN

# DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHŨNG ĐƯỢC PHÁT HIỆN TRONG KỲ

*(Kèm theo Báo cáo số: 89/BC-BQLVQGPB ngày 09 tháng 12 năm 2021)*

| TT | Tên vụ | Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị xảy ra sự việc | Cơ quan thụ lý, giải quyết vụ việc | Tóm tắt nội dung vụ việc | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Không có | | | | |
| 2 | Không có | | | | |

Biểu số: 03/PCTN

**KẾT QUẢ PHÁT HIỆN, KHẮC PHỤC CÁC VĂN BẢN CÒN SƠ HỞ, DỄ BỊ LỢI DỤNG ĐỂ THAM NHŨNG**

*(Kèm theo Báo cáo số: /BC-BQLVQGPB ngày tháng 12 năm 2021)*

| TT | Tên, số, ngày, tháng, năm | Cơ quan ban hành văn bản | Nội dung sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng | Kết quả khắc phục | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Đã được khắc phục theo thẩm quyền | Chưa khắc phục xong | Nguyên nhân của việc chưa khắc phục xong | |
| MS | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| 1 | Không phát hiện | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| Tổng số: | | | | | | | |